

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 6- 2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông La Văn Việt

Bà Lê Thị Cẩm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2019/QĐ-HPT ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Tuyết S, sinh năm 1993

Địa chỉ: 2A, đường ĐX 145, tổ 65 khu 5, phường T, thành phố T, tỉnh B

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn V, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện Đ, tỉnh L

(Chị S có mặt, anh V vắng mặt – đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị Tuyết S trình bày: Chị và anh Phạm Văn V có tìm hiểu nhau 02 năm, sau đó kết hôn với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 2, Thành phố H. Thời gian đầu chị và anh V chung sống có hạnh phúc nhưng từ tháng 5 năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau nên chị và anh V ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay.

Quá trình chung sống, chị và anh V không có con chung, đồng thời tài sản chung và nợ chung cũng không có.

Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Phạm Văn V. Khi ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng anh Phạm Văn V vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trương Thị Tuyết S khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn V; anh Phạm Văn V có hộ khẩu thường trú tại ấp S, xã A, huyện Đ, tỉnh L được Công an xã A xác nhận và có mặt tại địa phương nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Về nội dung:

2.1. Chị Trương Thị Tuyết S và anh Phạm Văn V có tìm hiểu nhau 02 năm, sau đó kết hôn với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 2, Thành phố H là phù hợp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Chị Trương Thị Tuyết S cho rằng nguyên nhân chị xin ly hôn với anh Phạm Văn V là do vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng vì cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh V không còn hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau, Đồng thời chị và anh V đã ly thân nhau từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay nên tình cảm của chị đối với anh V không còn nữa.

2.3. Đối với anh Phạm Văn V, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị S. Tại phiên tòa hôm nay, anh V vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh V không có thiện chí để hàn gắn trong khi thời gian xa nhau đã lâu.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống chung vợ chồng của chị S và anh V không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh V là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.4. Về con chung: Chị S xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2.5. Về tài sản chung và nợ chung: Chị S xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Tuyết S phải chịu án phí ly hôn sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Tuyết S về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn V. Chị Trương Thị Tuyết S được ly hôn với anh Phạm Văn V.

2. Án phí: Buộc chị Trương Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004156 ngày 11/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành, chị S không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND phường T
- Quận 2, Tp. H;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Bình An

